

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO YÊN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2020

V/v “Kiện ly hôn,  
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hà Thị Anh

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phạm Huy Thông;

2. Ông Đoàn Thế Xương;

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Mạnh Tuấn – Thư ký  
Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2020/TLST - HNGĐ ngày 26/6/2020 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Đặng Thu T - sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh Nguyễn Trường X- Sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Trường X kết hôn với nhau ngày 19/11/1991 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, trong suốt thời gian dài anh X không chung thủy với chị T, có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Nhưng vì giữ thể diện gia đình nên chị T không tận tay hay bắt quả tang và không có căn cứ chứng minh nhưng từ đó vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mặc dù hai vợ chồng anh chị vẫn ở cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị T

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường X.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: Cháu Nguyễn Thị Kiều Ng sinh ngày 05/5/1993 và cháu Nguyễn Uyên C sinh ngày 28/11/2009. Cháu N đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Uyên C đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trường X: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh X và tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho anh X nhưng anh X không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà chị Đặng Thu T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Nguyễn Trường X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trường X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đặng Thu T và anh Nguyễn Trường X kết hôn ngày 19/11/1991 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện B trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa chị T và anh X là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng và chung thủy với nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thu T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung: Cháu Nguyễn Thị Kiều N sinh ngày 05/5/1993 và cháu Nguyễn Uyên C sinh ngày 28/11/2009. Quá trình giải quyết vụ án chị T đã cung cấp cho Tòa tài liệu chứng cứ chứng minh hiện nay chị làm nghề may, mở quán may đo trang phục mức thu nhập hàng tháng của chị là 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra cháu Nguyễn Uyên C có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Uyên C cho chị Đặng Thu T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Tạm thời anh Nguyễn Trường X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thu T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 4 Điều 147; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thu T và anh Nguyễn Trường X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Uyên C sinh ngày 28/11/2009 cho chị Đặng Thu T trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trường X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh X được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thu T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001829 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị Thuý đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND thị trấn P;
- Lưu HS; Lưu TA;

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thị Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Anh**